

Số: 264/QĐ-BQL

Thuận Bắc, ngày 16 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai phê duyệt dự toán thu, chi phí quản lý dự án của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc năm 2025

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/2/2002 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-BQL ngày 16/12/2024 của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện về việc phê duyệt dự toán thu, chi chi phí quản lý dự án của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc năm 2025;

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai:

1.1 Công khai phê duyệt dự toán thu, chi QLDA năm 2025.

(Đính kèm QĐ số 263/QĐ-BQL ngày 16/12/2024)

1.2 Thời gian công khai là 30 ngày.

Điều 2. Kế toán BQL dự án đầu tư xây dựng và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Công khai tại trụ sở BQL;
- Lưu VT.

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH

Nguyễn Đăng Thư

Số 263/QĐ-BQL

Thuận Bắc, ngày 16 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán thu, chi chi phí quản lý dự án
của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc năm 2025

GIÁM ĐỐC BQLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN THUẬN BẮC

Căn cứ Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương về Ban hành Quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND huyện Thuận Bắc về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc;

Căn cứ Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND huyện Thuận Bắc về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01/10/2024 của Bộ Tài chính về việc Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND huyện Thuận Bắc về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 đối với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc;

Căn cứ Văn bản số 06-CB/BQL ngày 10/12/2024 của Chi bộ Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng về việc xây dựng dự toán chi của Chi bộ năm 2025;

Căn cứ nguồn thu được trích từ chi phí quản lý dự án của các công trình được giao quản lý và nguồn thu hợp pháp khác trong năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2025 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc, giá trị dự toán được duyệt là: 1.633.622.805 đồng, cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Thu hợp pháp của đơn vị	
1	2	3=4+5	4	5	6
A	PHẦN THU	1.633.622.805	1.485.125.658	148.497.147	
I	Tổng cộng	1.633.622.805	1.485.125.658	148.497.147	
a	Nguồn thu năm trước chuyển sang	300.000.000	300.000.000		
1	Đường D2 nối dài đến Khu công nghiệp Du Long	300.000.000	300.000.000		
b	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	1.185.125.658	1.185.125.658		
1	NC, nhựa hóa các tuyến trục đường Khu TTHC huyện	582.235.445	582.235.445		
2	Hệ thống kênh mương các thôn xã Phước Kháng	19.080.474	19.080.474		
3	Trường tiểu học Lợi Hải (hạng mục 03 phòng học, 02 phòng bộ môn)	91.305.549	91.305.549		
4	Trường tiểu học Bình Nghĩa (02 phòng học)	42.937.786	42.937.786		
5	Trường tiểu học Bà Râu (hạng mục 06 phòng học)	95.940.933	95.940.933		
6	Trường tiểu học Cao Bá Quát (hạng mục 02 phòng học)	31.513.265	31.513.265		
7	Trường THCS Phước Chiến (02 phòng chức năng, 02 phòng bộ môn)	100.772.983	100.772.983		
8	Trường TH Công Hải, cơ sở Hiệp Kiệt (hạng mục 02 phòng học)	32.363.213	32.363.213		
9	Trường THCS Hùng Vương (hạng mục 02 phòng chức năng, 02 phòng bộ môn)	75.583.352	75.583.352		
10	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng các thôn, xã Phước Kháng	113.392.658	113.392.658		
c	Dự án bổ sung trong năm				
d	Nguồn thu hợp pháp khác	148.497.147		148.497.147	
1	Sửa chữa, cải tạo Công viên 7-2 huyện Thuận Bắc	81.081.825		81.081.825	
2	Bảo dưỡng hoa viên, cây xanh khu trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc năm 2024	31.112.756		31.112.756	

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Thu hợp pháp của đơn vị	
3	Hỗ trợ Hợp tác xã sản xuất và dịch vụ Nông nghiệp Sơn Phát (Hạng mục: xưởng sơ chế)	23.169.811		23.169.811	
4	Hoa viên, cây xanh đường D1 khu trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc	13.132.755		13.132.755	
e	Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ				
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp sử dụng				
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)=(I)-(II)+(4)	1.633.622.805	1.485.125.658	148.497.147	
1	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ				(a)
2	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi thường xuyên	1.633.622.805	1.485.125.658	148.497.147	(c)
3	Nguồn NSNN cấp cho chi không thường xuyên				(b)
4	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi không thường xuyên				(d)
B	PHẦN CHI	1.633.622.805	1.485.125.658	148.497.147	
I	Chi thường xuyên giao tự chủ	1.633.622.805	1.485.125.658	148.497.147	≤ (c)
1	Tiền lương	707.194.800	707.194.800		
2	Tiền công	21.600.000	21.600.000		
3	Các khoản phụ cấp lương	143.982.859	143.982.859		
3.1	Phụ cấp làm thêm giờ	135.558.859	135.558.859		
3.2	Phụ cấp cấp ủy	8.424.000	8.424.000		
4	Các khoản trích nộp theo lương	159.707.106	159.707.106		
5	Chi khen thưởng				
6	Chi phúc lợi tập thể				
7	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	23.000.000	23.000.000		
8	Chi mua vật tư văn phòng	50.000.000	50.000.000		
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	17.000.000	17.000.000		
10	Chi hội nghị				
11	Chi công tác phí	51.000.000	51.000.000		
12	Chi thuê mướn				
13	Chi đoàn công tác tại nước ngoài				
14	Chi vào đoàn				

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Thu hợp pháp của đơn vị	
15	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	40.000.000	40.000.000		
16	Mua sắm tài sản phục vụ quản lý				
17	Chi phí khác	420.138.040	271.640.893	148.497.147	
18	Dự phòng				
II	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ, nếu có (chi tiết theo nội dung nhiệm vụ)				=(a)
1	Chi không thường xuyên từ nguồn NSNN cấp				=(b)
1.1	Đầu tư xây dựng cơ bản				
1.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án				
1.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định				
1.4	Thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)				
1.5	Khác				
2	Chi không thường xuyên theo quy định từ Quỹ				=(d)
2.1	Đầu tư xây dựng cơ bản				
2.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án				
2.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định				
2.4	Thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)				
2.5	Khác				

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Phòng Tổ chức-Hành chính-Kế toán và Phòng quản lý dự án BQL dự án đầu tư xây dựng căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (B/c);
- Phòng TC-KH huyện;
- KBNN Thuận Bắc;
- Lưu VT;KT.


PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH
 BAN QUẢN LÝ
 DỰ ÁN ĐẦU TƯ
 XÂY DỰNG
 HUYỆN THUẬN BẮC
 Nguyễn Đăng Thư